

KẾ HOẠCH

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025

Trong những năm qua, Đảng, Chính phủ và các bộ, ngành trung ương cùng UBND tỉnh Thừa Thiên Huế luôn luôn quan tâm, coi trọng phát triển ứng dụng Công nghệ Thông tin (CNTT), đặc biệt là ứng dụng CNTT trong giáo dục. Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Thừa Thiên Huế là một trong những đơn vị luôn đặt vị trí phát triển, ứng dụng CNTT lên hàng đầu và cũng đã gặt hái được một số kết quả nhất định.

CNTT góp phần không nhỏ vào công tác quản lý giáo dục và xử lý các nghiệp vụ quản lý trong các đơn vị có tỷ trọng ngày càng cao. CNTT góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, phục vụ việc đổi mới phương pháp dạy học. Ngoài ra, các thủ tục hành chính trong giáo dục thông qua CNTT đã giúp người dân tiếp cận được các dịch vụ công về giáo dục một cách thuận lợi.

Để tiếp tục “Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GD&ĐT giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”, Sở GD&ĐT yêu cầu các phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các chỉ tiêu, giải pháp sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết 36^a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GD&ĐT giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”;
- Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định thí điểm về thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước;
- Thông tư số 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20/10/2015 của Bộ GD&ĐT về việc “Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và GDTX”;
- Công văn số 4622/BGDĐT-CNTT của Bộ GD&ĐT ngày 20/9/2016 về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT năm học 2016-2017;
- Căn cứ Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2017;
- Căn cứ Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2017; Công văn

số 2888/UBND-GD ngày 09/5/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thống nhất Kế hoạch triển khai Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 21/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ Kế hoạch 528/KH-SGD&ĐT ngày 21/3/2016 của Sở GD-ĐT Thừa Thiên Huế về việc Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong GD&ĐT giai đoạn 2016-2020;

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường ứng dụng CNTT nhằm đẩy mạnh triển khai chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong hoạt động quản lý điều hành của cơ quan quản lý nhà nước về GD&ĐT ở trung ương và các địa phương; đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học và công tác quản lý tại các cơ sở GD&ĐT trong hệ thống giáo dục quốc dân góp phần hiện đại hóa và nâng cao chất lượng GD&ĐT.

CNTT được ứng dụng rộng rãi trong các đơn vị và hoạt động giáo dục và đào tạo. Đến năm 2020, đưa năng lực ứng dụng, phát triển CNTT của Ngành giáo dục tỉnh đạt mức độ khá trong toàn quốc; Sở GD&ĐT Thừa Thiên Huế trở thành Sở mạnh về ứng dụng CNTT;

2. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020

- Trong công tác quản lý, điều hành:

+ Tham gia việc xây dựng cơ sở dữ liệu toàn ngành GD&ĐT của Bộ GD&ĐT và của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;

+ Phân đấu 100% các cơ quan quản lý nhà nước về GD&ĐT, các cơ sở GD&ĐT thực hiện quản lý hành chính xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng;

+ 70% cuộc họp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở GD&ĐT được áp dụng hình thức trực tuyến;

+ 70% lớp bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện qua mạng theo phương thức học tập kết hợp (blended learning);

+ 50% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tối thiểu mức độ 3, trong đó 30% được xử lý trực tuyến ở mức độ 4;

+ 100% cơ sở GD&ĐT trang bị camera giám sát, theo dõi các hoạt động dạy - học và quản lý.

- Trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý:

+ Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên: Hình thành kho học liệu số dùng chung toàn ngành, gồm: Bài giảng, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác;

Phần đầu 90% cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên ứng dụng CNTT trong quản lý nhà trường; trong đó 70% trường học sử dụng sổ quản lý điện tử.

+ Phần đầu 50% cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên ứng dụng lớp học ảo, lớp học từ xa trong công tác bồi dưỡng, phụ đạo học sinh.

3. Định hướng đến năm 2025

Mức độ ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy “học, nghiên cứu khoa học đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. CNTT trở thành động lực đổi mới quản lý, nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá trong GD&ĐT.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục triển khai, cập nhật hệ thống CNTT theo hướng hiện đại, thiết thực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT ở các cơ quan quản lý, cơ sở GD&ĐT; lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án hiện có, thuê dịch vụ CNTT và xã hội hóa. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT toàn ngành GD&ĐT.

Hợp tác với tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel trong lĩnh vực CNTT nhằm hiện đại hoá các hoạt động quản lý và điều hành toàn ngành Giáo dục.

2. Tham gia hệ thống thông tin quản lý, cơ sở dữ liệu.

a) Tích cực triển khai hệ thống thông tin quản lý toàn ngành GD&ĐT đáp ứng yêu cầu kết nối, liên thông, tích hợp, chia sẻ thông tin đối với các hệ thống thông tin từ trung ương đến địa phương.

Tham gia mã định danh công dân do UBND tỉnh xây dựng.

Từng bước số hoá văn bản chứng chỉ của ngành giáo dục.

b) Vận hành hiệu quả hệ thống quản lý hành chính điện tử và liên thông toàn ngành; hệ thống hội họp, hội thảo, tập huấn chuyên môn qua mạng; bổ sung, cập nhật các dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 3, 4; ứng dụng CNTT trong tuyển sinh đầu cấp học.

Mở tài khoản hệ thống phòng họp trực tuyến và nâng cấp đường truyền internet của Viettel lên tối thiểu 50Mb nhằm bảo đảm chất lượng các cuộc họp trực tuyến. Trong năm 2017 tổ chức 30% cuộc họp qua môi trường mạng để tiến đến 70% vào năm 2020; đồng thời phục vụ việc tổ chức các phòng học ảo để dạy học trực tuyến.

c) Tích hợp vào Công thông tin GD&ĐT các phần mềm: Quản lý học sinh, quản lý giáo viên, quản lý thi, xếp thời khóa biểu, sổ quản lý điện tử,... ở tất cả các cấp học mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên.

Tích hợp các phần mềm đang sử dụng của UBND tỉnh, Bộ GD&ĐT lên trang thông tin điện tử ngành GD&ĐT, đồng thời tích hợp thêm một số phần mềm quản lý như SMAS (nhắn tin và quản lý đào tạo), Office one (quản lý văn bản trực tuyến), ... phục vụ điều hành và dạy học.

Các cơ sở giáo dục toàn tỉnh vận dụng các nguồn lực có thể có để lắp đặt hệ thống camera phục vụ dạy học và quản lý.

3) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Tiếp tục xây dựng và thường xuyên cập nhật kho học liệu số dùng chung phục vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trong toàn ngành, gồm: Bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.

Tích hợp hệ thống phòng học học ảo, lớp học ảo, lớp học từ xa trên website của các đơn vị để phục vụ công tác bồi dưỡng học sinh phổ thông và giáo dục thường xuyên. Tiếp tục tổ chức các cuộc thi e-learning do Bộ phát động nhằm tạo nguồn cho kho học liệu của các đơn vị. Từng bước số hoá, cập nhật tài liệu dạy học, thí nghiệm mô phỏng,...

b) Xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến của các môn học và phần mềm kiểm tra, đánh giá tập trung qua mạng phục vụ học sinh, giáo viên giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

4) Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

a) Tăng cường quản lý, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên trực tuyến, trên môi trường mạng, thường xuyên cập nhật nội dung các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT.

b) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

c) Thí điểm bồi dưỡng giáo viên về kỹ năng sử dụng CNTT tiếp cận chuẩn quốc tế.

5) Phát triển nguồn nhân lực CNTT chuyên trách chất lượng cao

Lựa chọn, sử dụng chương trình, giáo trình, khóa học trực tuyến của nước ngoài; tăng cường dạy - học CNTT bằng tiếng Anh.

6) Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức CNTT trong và ngoài nước.

7) Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về ứng dụng CNTT trong lĩnh vực GD&ĐT.

a) Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò, ý nghĩa của ứng dụng CNTT trong các hoạt động quản lý, dạy - học, nghiên cứu khoa học.

b) Biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu đồng thời nhắc nhở, kiểm điểm các tổ chức, cá nhân chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong dạy - học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học.

Kinh phí thực hiện và cơ chế quản lý tài chính :

a. Kinh phí thực hiện :

- Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo phân cấp ngân sách; nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nguồn thu của các cơ sở giáo dục và đào tạo; nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa khác.

b) Cơ chế tài chính :

- Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ ngân sách tỉnh bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho Sở Giáo dục và Đào tạo và các địa phương; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình; đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công tổ chức thực hiện các nội dung chủ yếu.

STT	Nội dung	Phòng chủ trì	Đối tác chính	Thời gian hoàn thành
1.	Xây dựng mã định danh học sinh.	Ban CNTT		Tháng 5/2017
2.	Từng bước số hoá văn bằng chứng chỉ của ngành giáo dục.	KT-KĐCL		Tháng 9/2017
3.	Mở tài khoản hệ thống phòng họp trực tuyến và nâng cấp đường truyền internet ở các đơn vị của Viettel lên tối thiểu 50Mb	Ban CNTT	Viettel	Tháng 7/2017
4.	Tích hợp các phần mềm vào Cổng thông tin GD&ĐT: SMAS, Quản lý nhà trường,...	Ban CNTT	Viettel	Tháng 7/2017
5.	Chỉ đạo lắp đặt hệ thống camera phục vụ dạy học và quản lý	Ban CNTT		Tháng 8/2017
6.	Tích hợp hệ thống phòng học ảo, lớp học ảo, lớp học từ xa trên website	Ban CNTT	Viettel	Tháng 9/2017
7.	Xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến	Ban CNTT, KT-KĐCL, GDTTrH		Tháng 2/2018

2. Một số nhiệm vụ cụ thể và kinh phí thực hiện.

a) Xây dựng mã định danh cho học sinh.

- Thời gian triển khai: tháng 5/2017, Ban CNTT chủ trì phối hợp cùng Sở Thông tin Truyền thông.

- Kinh phí: Sự nghiệp chung của ngành giáo dục.

b) Số hóa văn bản chứng chỉ.

- Thời gian triển khai: tháng 9/2017, Phòng KT-KĐCL và Ban CNTT chủ trì phối hợp cùng Sở Thông tin Truyền thông.

- Kinh phí: khoảng 2 tỷ, đề nghị ngân sách tỉnh cấp bổ sung.

c) Mở tài khoản hệ thống phòng họp trực tuyến.

- Thời gian triển khai: tháng 7/2017, Ban CNTT chủ trì phối hợp cùng đối tác Viettel Thừa Thiên Huế cho Sở, Phòng GD&ĐT, các trường THPT, các Trung tâm GDNN-GDTX. Tháng 2/2018 triển khai cho các trường Tiểu học. Tháng 2/2019 cho các trường Mầm non.

- Kinh phí: sự nghiệp chi tại các đơn vị.

d) Nâng cấp đường truyền internet ở các đơn vị của Viettel lên tối thiểu 50Mb.

- Thời gian triển khai: tháng 7/2017, Ban CNTT chủ trì phối hợp cùng đối tác Viettel Thừa Thiên Huế cho Sở, Phòng GD&ĐT, các trường THPT, các Trung tâm GDNN-GDTX. Tháng 2/2018 triển khai cho các trường Tiểu học. Tháng 2/2019 cho các trường Mầm non.

- Kinh phí: sự nghiệp chi tại các đơn vị

e) Triển khai hệ thống tin nhắn cho CBQL, PHHS.

- Thời gian triển khai: tháng 5/2017, Ban CNTT chủ trì phối hợp cùng đối tác Viettel Thừa Thiên Huế cho Sở, Phòng GD&ĐT, các trường THPT, các Trung tâm GDNN-GDTX, các trường Tiểu học, các trường Mầm non.

- Kinh phí: phần mềm miễn phí, tin nhắn cho PHHS theo phương thức xã hội hóa.

f) Tích hợp các phần mềm vào cổng thông tin GD&ĐT.

- Thời gian triển khai: tháng 7/2017, Ban CNTT chủ trì phối hợp Sở Thông tin Truyền thông và đối tác Viettel Thừa Thiên Huế cho Sở, Phòng GD&ĐT, các trường, Trung tâm. Bao gồm hệ thống các phần mềm của UBND tỉnh, Bộ GD&ĐT cho Sở GD&ĐT; các phần mềm quản lý nhà trường cho các đơn vị giáo dục.

- Kinh phí: sự nghiệp chi tại các đơn vị.

g) Tích hợp hệ thống phòng học ảo, lớp học ảo, lớp học từ xa trên website.

- Thời gian triển khai: tháng 9/2017, Ban CNTT chủ trì phối hợp Sở Thông tin Truyền thông và đối tác Viettel Thừa Thiên Huế cho Sở, Phòng GD&ĐT, các trường, Trung tâm.

- Kinh phí: sự nghiệp chi tại các đơn vị và xã hội hóa.

h) Chỉ đạo các trường, trung tâm lắp đặt hệ thống camera phục vụ dạy học và quản lý.

- Thời gian triển khai: tháng 8/2017, Ban CNTT chủ trì cho các trường, Trung tâm.

- Kinh phí: sự nghiệp chi tại các đơn vị và xã hội hóa.

i) Xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến.

- Thời gian triển khai: tháng 2/2018, Ban CNTT chủ trì phối hợp với phòng KT-KĐCL, phòng GDTrH cho các trường, Trung tâm.

- Kinh phí: sự nghiệp chi tại các đơn vị.

3. Phương thức triển khai thực hiện.

Sở GD&ĐT yêu cầu các Phòng GD&ĐT và các cơ sở GD&ĐT trực thuộc Sở, trực thuộc phòng GD&ĐT tổ chức quán triệt kế hoạch này đến tận cán bộ, giáo viên, công chức, viên chức, tạo ra sự chuyển biến đồng bộ, tích cực để thực hiện thành công, có hiệu quả kế hoạch này.

Căn cứ nhiệm vụ được phân công; các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, các phòng ban của Sở, các phòng giáo dục đào tạo, thủ trưởng các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch thực hiện, chỉ đạo triển khai cụ thể, thường xuyên kiểm tra, theo dõi, cập nhật thông tin để đánh giá, điều chỉnh bổ sung và có các giải pháp kịp thời để có biện pháp tham mưu chỉ đạo, điều hành đạt kết quả cao./.

Nơi nhận:

- Bộ GD-ĐT (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở: TC, KHĐT, TTTT, LĐTBXH (để phối hợp);
- UBND huyện, thị xã, thành phố (để phối hợp);
- Viettel Thừa Thiên Huế (để phối hợp);
- Ban Giám đốc (để chỉ đạo thực hiện);
- Các PGD&ĐT (để thực hiện);
- Các đơn vị trực thuộc Sở (để thực hiện);
- lưu VP, GDTrH, website Sở (phổ biến)